TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/KDTM-ST
Ngày: 16-01-2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Huy Hoàng.

2. Ông Nguyễn Văn Nguyện

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Đào Văn Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa*:** Bà Phan Mỹ Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 106/2024/TLST-KDTM ngày 14 tháng 10 năm 2024, về việc: "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 977/2924/QĐXXST-KDTM ngày 22 tháng 11 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 823/2024/QĐST-KDTM ngày 20 tháng 12 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ S
Người đại diện theo pháp luật:
Bà Nguyễn Thị M – chức vụ: Giám đốc (có mặt)
Địa chỉ: phường X, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Cơ khí Sản xuất Thương mại Xây dựng A (đã đổi tên thành Công ty TNHH Cơ khí Sản xuất Thương mại Xây dựng A) (Vắng mặt)

Địa chỉ: xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Diệp Trọng N, sinh năm 1997– chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt)

Địa chỉ: phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/10/2024 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa,người đại diện theo pháp luật nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Ngày 13/7/2022, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ S (sau đây gọi là Công ty S) có ký kết Hợp đồng dịch vụ số: 01/HĐDV/2022 với Công ty TNHH Cơ khí Sản xuất Thương mại Xây dựng A (sau đây gọi là Công ty ATV). Nội dung là Công ty Sthuê Công ty Alàm dịch vụ xin phép xây dựng và thi công nhà xưởng với diện tích 800 m2, tại thừa đất số 56, tờ bản đồ số 21 và thửa đất số 83, tờ bản đồ số 19 thuộc xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, thời gian thực hiện công việc là 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Giá trị Hợp đồng là 400.000.000 đồng xin phép xây dựng và phần xây dựng là 1.300.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty Ađã tạm ứng số tiền là: 1.700.000.000 đồng của Công ty Svà nhận thêm 200.000.000 đồng phát sinh là tiền hoàn công và vay thêm của Công ty Smột lần 385.000.000 đồng và lần 2 là 57.000.000 đồng. Như vậy, tổng cộng Công ty Ađã nhận số tiền là 2.342.000.000 đồng.

Sau khi nhận tiền, Công ty Ađã không hoàn thành được công việc theo thỏa thuận tại hợp đồng. Nên ngày 16/8/2023 hai bên đã đồng ý thanh lý hợp đồng, căn cứ theo Biên bản hủy hợp đồng dịch vụ ngày 16/8/2023. Theo đó, hai bên đồng ý chấm dứt thanh lý hợp đồng số 01/HĐDV/2022 ngày 13/7/2022, Công ty Acó trách nhiệm trả lại cho Công ty Stổng số tiền còn lại là: 1.942.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 213.620.000 đồng (sau khi đã trừ đi số tiền Công ty Ađã xin phép xây dựng được một phần cho Công ty S, với số tiền là: 400.000.000 đồng). Thời gian hẹn trả lại tiền là 30 ngày kể từ ngày ký thanh lý hợp đồng. sau đó Công ty Acam kết trả lại số tiền trên trong tháng 10/2023, nhưng đến nay đã không trả cho Công ty S.

- Nay Công ty S khởi kiện, yêu cầu Toá án Nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết : Buộc Công ty TNHH Cơ khí Sản xuất Thương mại Xây dựng A (nay đã đổi tên thành Công Ty TNHH Cơ Khí - SX - TM - Xây Dựng A) trả lại cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ S tổng số tiền gốc là 1.942.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm bốn mươi hai triệu đồng).

Bị đơn Công ty TNHH Cơ khí Sản xuất Thương mại Xây dựng A (nay đã đổi tên thành Công Ty TNHH Cơ Khí - SX - TM - Xây Dựng A) và người đại diện theo pháp luật đã được Toà án nhân dân huyện Bình Chánh tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đến Toà án để giải quyết vụ kiện mà vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện:

- Buộc Công ty TNHH Cơ khí Sản xuất Thương mại Xây dựng A (nay đã đổi tên thành Công Ty TNHH Cơ Khí - SX - TM - Xây Dựng A) trả lại cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ S tổng số tiền gốc là 1.942.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm bốn mươi hai triệu đồng).

- Đối với số tiền lãi 213.620.000 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 16/8/2023 mà Công ty TNHH Cơ khí Sản xuất Thương mại Xây dựng A (nay đã đổi tên thành Công Ty TNHH Cơ Khí - SX - TM - Xây Dựng A) còn nợ Công ty S thì Công ty S sẽ yêu cầu trong vụ án khác. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Bị đơn Công ty TNHH Cơ khí Sản xuất Thương mại Xây dựng A (nay đã đổi tên thành Công Ty TNHH Cơ Khí - SX - TM - Xây Dựng A) có đại diện theo pháp luật là ông Đinh Diệp Trọng N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa mà không có văn bản nào thể hiện ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không giao nộp bất cứ tài liệu chứng cứ nào cho Tòa án.

Đại *diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên toà có ý kiến phát biểu như sau:*

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ S là có cơ sở. Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- ***Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết Tòa án:***

Nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ S khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty TNHH Cơ khí Sản xuất Thương mại Xây dựng A (nay đã đổi tên thành Công Ty TNHH Cơ Khí - SX - TM - Xây Dựng A) phải thanh toán tiền dịch vụ xin phép xây dựng và thi công nhà xưởng. Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp TNHH một thành viên của Công ty THH sản xuất thương mại dịch vụ Sức Khỏe Vàng, mã số doanh nghiệp: 0314821543 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp TNHH một thành viên của Công ty TNHH Cơ khí Sản xuất Thương mại Xây dựng A (nay đã đổi tên thành Công Ty TNHH Cơ Khí - SX - TM - Xây Dựng A), mã số doanh nghiệp: 0315107236 thì nguyên đơn và bị đơn đều là tổ chức có đăng ký kinh doanh và có hoạt động kinh doanh với nhau đều có mục đích lợi nhuận nên đây là vụ án tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện được quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do bị đơn Công ty TNHH Cơ khí Sản xuất Thương mại Xây dựng A (nay đã đổi tên thành Công Ty TNHH Cơ Khí - SX - TM - Xây Dựng A) có trụ sở tại: F9/3

Hương lộ 80, ấp 6, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. ***Về sự vắng mặt của đương sự*:**

Đại diện nguyên đơn bà Nguyễn Thị M có mặt; Bị đơn Công ty TNHH Cơ khí Sản xuất Thương mại Xây dựng A (nay đã đổi tên thành Công Ty TNHH Cơ Khí - SX - TM - Xây Dựng A) đã được Tòa án tống đạt hợp lệ: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty TNHH Cơ khí Sản xuất Thương mại Xây dựng A (nay đã đổi tên thành Công Ty TNHH Cơ Khí - SX - TM - Xây Dựng A) và ông Đinh Diệp Trọng N

[3]. ***Về pháp luật áp dụng***:

Do Hợp đồng dịch vụ số: 01/HĐ DV/2022 ký vào ngày 13/7/2022. Vì vậy, giao dịch giữa các đương sự xác lập vào thời điểm Luật Thương mại năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Luật Thương mại năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[4]. ***Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau***:

[4.1]. Tính hợp pháp của hợp đồng:

Theo hợp đồng dịch vụ số 01/HĐDV/2022 ngày 13/7/2022 và biên bản hủy hợp đồng dịch vụ và thi công xây dựng ngày 16/8/2023 giữa Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ S và Công ty TNHH Cơ khí Sản xuất Thương mại Xây dựng A (nay đã đổi tên thành Công Ty TNHH Cơ Khí - SX - TM - Xây Dựng A) có cơ sở xác định phía Công ty TNHH Cơ khí Sản xuất Thương mại Xây dựng A (nay đã đổi tên thành Công Ty TNHH Cơ Khí - SX - TM - Xây Dựng A) cung ứng dịch vụ thực hiện hồ sơ, thủ tục tại cơ quan chức năng để được cấp Giấy phép xây dựng, thi công nhà xưởng cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ S. Xét, hợp đồng dịch vụ giữa các bên được lập thành văn bản và được ký kết bởi người có thẩm quyền của hai công ty, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Xét nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 11, Điều 74 Luật Thương mại năm 2005, Điều 513, Điều 514 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên hợp đồng các bên đã ký kết có hiệu lực pháp luật và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết hợp đồng..

[4.2]. Về quá trình thực hiện hợp đồng:

Căn cứ hợp đồng dịch vụ số 01/HĐDV/2022 ngày 13 tháng 7 năm 2022, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận Công ty TNHH Cơ khí Sản xuất Thương mại Xây dựng A (nay đã đổi tên thành Công Ty TNHH Cơ Khí - SX - TM - Xây Dựng

A) cung cấp dịch vụ cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ S về việc thực hiện hồ sơ, thủ tục tại cơ quan chức năng để được cấp Giấy phép xây dựng, thi công nhà xưởng chính với diện tích là 800 m^2, 01 (một) phòng bảo vệ, 01 (một) phòng nhân viên, tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 21 và thửa đất số 83 tờ bản đồ số 19 xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh và bàn giao Giấy phép xây dựng cho Công ty S. Thù lao làm thủ tục xin Giấy phép xây dựng là: 400.000.000 đồng và phần xây dựng là: 1.300.000.000 đồng. Thời hạn thực hiện hợp đồng là 90 ngày làm việc, kể từ ngày hai bên nhận được thông tin hoặc hồ sơ của nhau.

Theo Biên bản hủy hợp đồng dịch vụ và thi công xây dựng ngày 16 tháng 8 năm 2023, có căn cứ về việc hai bên đã xác nhận, tính đến ngày 16/8/2023 Công ty Sđã giao cho Công ty TNHH Cơ khí Sản xuất Thương mại Xây dựng A (nay đã đổi tên thành Công Ty TNHH Cơ Khí - SX - TM - Xây Dựng A) tổng cộng 2.342.000.000 đồng. Như vậy, Công ty Sđã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 515 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đối với Công ty TNHH Cơ khí Sản xuất Thương mại Xây dựng A(nay đã đổi tên thành Công Ty TNHH Cơ Khí - SX - TM - Xây Dựng A), đã quá thời hạn thỏa thuận nhưng Công ty TNHH Cơ khí Sản xuất Thương mại Xây dựng A (nay đã đổi tên thành Công Ty TNHH Cơ Khí - SX - TM - Xây Dựng A) vẫn chưa hoàn thành việc xin cấp Giấy phép xây dựng và chưa hoàn thành xong thi công xây dựng nhà xưởng. Căn cứ Điều 517 Bộ luật Dân sự năm 2015, Công ty TNHH Cơ khí Sản xuất Thương mại Xây dựng A đã vi phạm nghĩa vụ của bên cung ứng dịch vụ. Đồng thời, căn cứ khoản 2 Điều 422 Bộ luật Dân sự năm 2015, việc hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng thông qua Biên bản hủy hợp đồng dịch vụ và thi công xây dựng ngày 16/8/2023 là phù hợp quy định pháp luật.

[4.3]. Về trách nhiệm trả tiền và số tiền phải trả:

Về yêu cầu của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ S yêu cầu Công ty TNHH Cơ khí Sản xuất Thương mại Xây dựng A(nay đã đổi tên thành Công Ty TNHH Cơ Khí - SX - TM - Xây Dựng A) trả lại cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ S số tiền là: 1.942.000.000 đồng. Căn cứ Điều 1, Điều 2 Biên bản hủy bỏ hợp đồng dịch vụ và thi công xây dựng ngày 16/8/2023 và ngày 21/8/2023, hai bên đã xác nhận, Công ty TNHH Cơ khí Sản xuất Thương mại Xây dựng A(nay đã đổi tên thành Công Ty TNHH Cơ Khí - SX - TM - Xây Dựng A) đã nhận của Công ty Stổng cộng số tiền là: 2.342.000.000 đồng và sau khi hủy bỏ hợp đồng dịch vụ, Công ty TNHH Cơ khí Sản xuất Thương mại Xây dựng A(nay đã đổi tên thành Công Ty TNHH Cơ Khí - SX - TM - Xây Dựng A) còn nợ Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ S số tiền là: 1.942.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 213.620.000 đồng sau khi đã trừ đi số tiền Công ty A(nay đã đổi tên thành Công Ty TNHH Cơ Khí - SX - TM - Xây Dựng A) đã xin phép xây dựng được một phần cho Công ty S, với số tiền là: 400.000.000 đồng) Công ty TNHH Cơ khí Sản xuất Thương mại Xây dựng A(nay đã đổi tên thành Công Ty TNHH Cơ Khí - SX - TM - Xây Dựng A) đồng ý trả cho Công ty Công ty S, hạn chót là ngày 21/8/2024.

Theo lời khai của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, kể từ ngày hết thời hạn thỏa thuận trả nợ là ngày 21/8/2024 cho đến nay thì Công ty TNHH Cơ khí Sản xuất Thương mại Xây dựng A (nay đã đổi tên thành Công Ty TNHH Cơ Khí - SX - TM - Xây Dựng A) chưa trả bất kỳ khoản tiền nào cho Công ty S. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho phía bị đơn nhưng Công ty TNHH Cơ khí Sản xuất Thương mại Xây dựng A(nay đã đổi tên thành Công Ty TNHH Cơ Khí - SX - TM - Xây Dựng A) không đến Tòa án làm việc cũng như không có bất kỳ ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, có căn cứ khẳng định Công ty TNHH Cơ khí Sản xuất Thương mại Xây dựng A(nay đã đổi tên thành Công Ty TNHH Cơ Khí - SX - TM - Xây Dựng A) còn nợ Công ty Ssố tiền gốc là: 1.942.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 2 Điều 427 Bộ luật dân sự năm 2015, khi hợp đồng bị hủy bỏ thì: " *Các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận sau khi trừ đi chi phí hợp lý trong việc thực hiện hợp đồng*…" đồng thời Căn cứ Điều 2 Biên bản hủy hợp đồng dịch vụ và thi công xây dựng ngày 13/7/2022 thì Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ S , buộc Công ty TNHH Cơ khí Sản xuất Thương mại Xây dựng A (nay đã đổi tên thành Công Ty TNHH Cơ Khí - SX - TM - Xây Dựng A) trả lại cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ S số tiền là: 1.942.000.000 đồng.

Đối với số tiền lãi 213.620.000 đồng theo Biên bản hủy bỏ hợp đồng dịch vụ và thi công xây dựng ngày 16/8/2023 mà Công ty TNHH Cơ khí Sản xuất Thương mại Xây dựng A (nay đã đổi tên thành Công Ty TNHH Cơ Khí - SX - TM - Xây Dựng A) còn nợ Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ S nhưng Công ty TNHH Cơ khí Sản xuất Thương mại Xây dựng A (nay đã đổi tên thành Công Ty TNHH Cơ Khí - SX - TM - Xây Dựng A) không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét phần tiền lãi trong vụ án này. Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ S có quyền khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Cơ khí Sản xuất Thương mại Xây dựng A(nay đã đổi tên thành Công Ty TNHH Cơ Khí - SX - TM - Xây Dựng A) trả tiền lãi 213.620.000 đồng theo Biên bản hủy bỏ hợp đồng dịch vụ và thi công xây dựng ngày 16/8/2023 bằng một vụ án khác.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ S được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH Cơ khí Sản xuất Thương mại Xây dựng A (nay đã đổi tên thành Công Ty TNHH Cơ Khí - SX - TM - Xây Dựng A) phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 11, Điều 74, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Điều 328, Điều 422, Điều 427, Điều 513, Điều 514, Điều 520 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ S

1.1 Buộc Công ty TNHH Cơ khí Sản xuất Thương mại Xây dựng A (nay đã đổi tên thành Công Ty TNHH Cơ Khí - SX - TM - Xây Dựng A) phải thanh toán cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ S số tiền là 1.942.000.000 (một tỷ chín trăm bốn mươi hai triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thanh toán hết số tiền hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nêu trên cho người được thi hành án thì người phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chưa thanh toán.

1.2. Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ S có quyền khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Cơ khí Sản xuất Thương mại Xây dựng A(nay đã đổi tên thành Công Ty TNHH Cơ Khí - SX - TM - Xây Dựng A) trả số tiền lãi 213.620.000 đồng còn nợ, tính đến ngày 16/8/2023 (theo Biên bản huỷ Hợp đồng dịch vụ thi công trình xây dựng lập ngày 16/8/2023) bằng một vụ án khác.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.1. Công ty TNHH Cơ khí Sản xuất Thương mại Xây dựng A (nay đã đổi tên thành Công Ty TNHH Cơ Khí - SX - TM - Xây Dựng A) phải chịu số tiền là 70.260.000 (bảy mươi triệu hai trăm sáu mươi nghìn) đồng và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Hoàn lại cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 35.130.000 (ba mươi năm triệu một trăm ba mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số ký hiệu: BLTU/24P số:

0042913 ngày 10/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp được quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án DS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

2 000015 991209

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Long Toàn